

ĐỐI CHIẾU SỰ PHÂN BỐ VỊ TRÍ CỦA GIỚI TỪ TIẾNG HÁN VÀ GIỚI TỪ TIẾNG VIỆT

1. TS. Ngô Minh Nguyệt

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội*

2. ThS- NCS. Lí Yên Châu (Li Yan Zhou)

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt. Tiếng Hán và tiếng Việt đều thuộc ngôn ngữ âm tiết tính, không biến hình. Hư từ đóng vai trò quan trọng trong việc biểu thị ý nghĩa ngữ pháp. Trong các loại hư từ tiếng Hán và tiếng Việt, giới từ được sử dụng với tần số cao và vị trí trong câu khá linh hoạt, nhất là giới từ tiếng Việt. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi thông qua đối chiếu sự phân bố vị trí của giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt nhằm chỉ ra những tương đồng và khác biệt giữa chúng.

Từ khóa. Phân bố, đối chiếu, giới từ, tiếng Hán, tiếng Việt.

1. Đặt vấn đề

Giới từ là một trong những loại hư từ thường xuất hiện trong tiếng Hán và tiếng Việt. là ngôn ngữ âm tiết tính, không biến hình, ý nghĩa ngữ pháp trong tiếng Hán và tiếng Việt thường do hư từ và trật tự từ đảm nhận. Trong các loại hư từ, giới từ nổi lên như một trọng điểm ngữ pháp. Giới từ nhìn chung đều có nguồn gốc từ động từ, trải qua quá trình hư hóa mà thành. Giới từ thường không dùng độc lập mà kết hợp với các từ ngữ khác tạo thành cụm giới từ làm thành phần phụ trong câu, hoặc là làm trạng ngữ, bổ ngữ, hoặc là làm định ngữ... Vị trí của giới từ trong câu tiếng Hán và tiếng Việt khá linh hoạt. Tuy nhiên, với những vị trí khác nhau thì sắc thái nghĩa cũng như điểm cần nhấn mạnh cũng khác nhau. Bài viết tập trung so sánh đối chiếu sự phân bố vị trí của giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt nhằm chỉ ra những tương đồng và khác biệt giữa chúng, nhằm cung cấp cho người Việt Nam học tiếng Hán và người Trung Quốc học tiếng Việt một tài liệu tham khảo về cách dùng của giới từ.

2. Điểm giống nhau về sự phân bố vị trí của giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt

Giới từ của tiếng Hán và tiếng Việt không thể đóng vai trò làm trung tâm vị ngữ, giới ngữ cũng không thể độc lập làm vị ngữ. Đây là tính chất cơ bản của những giới từ điển hình. Chúng tôi giả thiết cấu trúc cú pháp cơ bản của chúng là "Np+Vp" (Np là danh từ, đại từ hoặc danh ngữ, Vp là động từ hoặc động ngữ), giới ngữ là "Pp", như vậy, giới từ tiếng Hán và giới từ tiếng Việt đều sẽ có ít nhất 3 loại cơ bản như sau: (A). Np + Pp+ Vp; (B). Pp + Np + Vp; (C). Vp + Pp + Np. Trong biến thể, "Np" thuộc loại A có thể không có, tạo thành loại D với cấu trúc là (D. Pp + Vp). Ví dụ:

(1) 他 对周夫人鞠了一躬，便连忙走出来。(Loại A) (Biên Thành)

(Anh ta khom người chào Châu phu nhân một cái rồi toan bước vội ra.)

Câu trên cấu trúc Np thuộc loại A (Np + Pp + Vp). Điều đáng lưu ý là, trong trường hợp này, tiếng Hán có sử dụng giới từ 对 *đối* hoặc 向 *hướng*, nhưng trong tiếng Việt thì không cần dùng giới từ. Do đó, không tìm thấy từ tương đương với 对 *đối* hoặc 向 *hướng* trong câu tiếng Việt tương ứng. Ví dụ sau thuộc loại B:

(2) 对于这件事, 父亲和母亲还不时起争论。 (Loại B) (Bảng Tâm)

(Đối với việc này, bố mẹ thỉnh thoảng vẫn còn tranh luận.)

Có thể dễ dàng nhìn ra cấu trúc của câu trên thuộc loại B theo mô hình: (Pp + Np + Vp). Cấu trúc (Vp + Pp + Np) thuộc loại C lại là mô hình của một dạng phân bố khác của giới từ tiếng Hán. Ví dụ:

(3) 本文写于1919年11月5日。

(Bài văn này được viết từ/ vào mồng 5 tháng 11 năm 1919.)

Từ mô hình của câu dịch tiếng Việt tương ứng, có thể dễ dàng nhận thấy rằng, với ví dụ 1, tiếng Hán cần có sự hiện diện của giới từ 对 *đối* hoặc 向 *hướng*, nhưng trong tiếng Việt, không nhất thiết phải xuất hiện giới từ. Nếu có xuất hiện thì cần dùng “hướng về” (Anh ta khom người hướng về phía Châu phu nhân chào một cái rồi toan bước vội ra), cũng có thể đặt “hướng về” lên trước “khom lưng”. Tuy nhiên, cách dùng giới từ “hướng về” với trường hợp này là ít gặp.

Trong tiếng Việt, sự phân bố vị trí của giới từ cũng tuân thủ theo các mô hình, như: (A) Np + Pp + Vp; (B) Pp + Np + Vp; (C) Vp + Pp + Np. Ví dụ:

(4) Thầy u để con ở nhà chơi với em con. (Tất Đền)

Ví dụ trên thuộc loại A theo cấu trúc (Np + Pp + Vp)

(5) Về mặt số lượng, trong giai đoạn từ nay đến năm 2015 khu kinh tế nông nghiệp này cần có số cán bộ khoảng 260 người. (Chiến Lược)

Ví dụ trên thuộc loại B, theo cấu trúc (Pp + Np + Vp). Ví dụ số (6) dưới đây lại thuộc loại C, theo mô hình cấu trúc (Vp + Pp + Np).

(6) Giấy này làm tại thôn Đoài. (Tất Đền)

Mặc dù giới từ tiếng Hán và giới từ tiếng Việt đều được phân chia theo 3 loại trên, nhưng không phải tất cả giới từ đều có thể nằm trong ba loại đó. Vậy, trong hệ thống giới từ tiếng Hán và hệ thống giới từ tiếng Việt có những giới từ nào nằm trong ba loại trên, dưới đây chúng tôi sơ bộ chỉ ra quy luật về sự phân bố của chúng.

2.1. Sự phân bố của giới từ tiếng Hán

Những giới từ điển hình sau có thể xếp vào loại A (Np + Pp + Vp), như: 给 (cấp), 让 (nhượng), 把 (bà), 替 (thế), 对 (đối), 向 (hướng), 和 (hòa), 跟 (căn), 与 (dữ), 同 (đồng), 从 (tòng), 顺 (thuận), 用 (dụng), 拿 (ná), 由于 (do vu), 比 (tỉ), 在 (tại) v.v... Ví dụ:

(7) 颖铭看见他父亲的怒气, 已经被四姨娘压了下去。 (Biên Thành)

(Dĩnh Minh nhìn thấy sự phẫn nộ của bố mình đã được dì Tư xoa dịu.)

(8) 只因为一个坏鬼把他骗了。(Bằng Tâm) (Tại một con quỷ xấu xa đã lừa anh ta.)

(9) 她替(给)我找了一条竿子。(Cô ấy giúp tôi tìm một cái sào.)

(10) 她完全由于爱慕克利斯纳的美貌。(Bằng Tâm)

(Cô ấy hoàn toàn vì hâm mộ vẻ mặt xinh đẹp của Krisna.)

Những giới từ điển hình sau có thể xếp vào loại B (Pp + Np + Vp) gồm 按 (.....来说), 按照, 对于 (.....来说), 关于, 就 (.....而言), 论, 拿 (.....来说), 在 (.....看来) v.v... Những giới từ này là giới từ dẫn dắt chủ đề, thường đứng ở đầu câu. Ví dụ:

(11) 按西方人的解释, 诗人必须是天才。(Bằng Tâm)

(Theo như giải thích của người phương Tây, nhà thơ ắt phải là một thiên tài.)

(12) 对于易安来说, 二者都已成了往事。(Bằng Tâm)

(Đối với Dịch An mà nói, cả hai đã trở thành dĩ vãng.)

Những giới từ điển hình sau có thể xếp vào loại C (Vp + Pp + Np) bao gồm 于 (vu), 以 (dĩ), 自 (tự), 至 (chí), 到 (đáo), 向 (hướng), 给 (cấp), 往 (vãng), 在 (tại). Trong đó, giới từ “于 (vu), 以 (dĩ), 自 (tự), 至: (chí)” là giới từ tiếng Hán cổ đại, thường xuất hiện ở loại C, các giới từ “到 (đáo), 向 (hướng), 给 (cấp), 往 (vãng), 在 (tại)” vừa có thể nằm trong loại C lại vừa có thể nằm trong loại A. Ví dụ:

(13) 她生于上海。(Cô ấy sinh tại Thượng Hải.)

(14) 工具放在抽屉里。(Đồ đạc dụng cụ đặt ở trong ngăn kéo.)

Những giới từ trên nếu không thể nói rằng chúng được xếp vào loại A thì không thể xếp vào loại B, hoặc là được xếp vào loại B thì không thể xếp vào loại C, có những giới từ vừa có thể xếp vào loại A vừa có thể xếp vào loại B hoặc loại C. Ví dụ: Những giới từ trong các ví dụ sau vừa có thể xếp vào loại A vừa có thể xếp vào loại B hoặc loại C.

(15) a. 他从小时候起就不吃辣椒。(Loại A) (Anh ta từ nhỏ đã không ăn ớt.)

b. 从小时候起, 他就不吃辣椒。(Loại B) (Từ khi còn nhỏ, anh ta đã không ăn ớt.)

(16) a. 大家向主席台涌去。(Loại A) (Mọi người dồn về lễ đài.)

b. 大家涌向主席台。(Loại C) (Mọi người dồn về lễ đài.)

Vì vậy, những ví dụ trên chỉ là trường hợp mà những giới từ này thường xuất hiện, không phải là hiện tượng phổ biến đối với tất cả mọi trường hợp.

2.2. Sự phân bố của giới từ tiếng Việt

Để xác định được sự phân bố của giới từ tiếng Việt, chúng tôi tiến hành phân tích từng giới từ điển hình sau đây: bằng, cạnh, chỉ, cho, của, dưới, đằng, để, đến, đối với, giữa, ngoài, nhằm, nhờ, ở, qua, tại, tận, theo, tới, trên, trong, từ, vào, vì, về, với.

Những giới từ điển hình như bằng, cho, của, để, do, theo, từ, vì có thể xếp vào loại A (Np + Pp + Vp), ví dụ:

(17) *Bằng* mọi cách phải làm xong trong ngày hôm nay. (Câu này thuộc loại D, là biến thể của loại A, tức là Np có thể không có).

(18) Ăn ở thế *cho* người ta ghét. (Từ điển tiếng Việt)

Những giới từ điển hình như *dưới, đối với, để, do, ngoài, nhờ, qua, tại, theo, trên, từ, trong, vì, về, với* có thể xếp vào loại B (Pp + Np + Vp). Những giới từ này là giới từ tiêu đề, thường đứng ở đầu câu. Ví dụ:

(19) *Để* trả lời câu hỏi đó, chúng ta phải tìm hiểu sự thật.

(20) *Ngoài* Thủ tướng, các thành viên khác của Chính phủ không nhất thiết là đại biểu Quốc hội. (Hiến Pháp)

Hơn nữa, có một số giới từ ghép, như: *căn, cứ vào, dựa vào, cũng* thường đứng ở đầu câu. Những giới từ điển hình sau có thể xếp vào loại C (Vp + Pp + Np): *Bằng, cạnh, cho, dưới, đằng, để, đến, giữa, nhằm, nhờ, ở, qua, tại, tận, theo, từ, trên, về, với*. Ví dụ:

(21) Có người gối đầu *trên* cái miệng hiệu sừng trâu. (Tắt Đèn)

(22) Tôi hạn *từ* giờ đến tối phải thu cho đủ. (Tắt Đèn)

Từ những ví dụ trên, chúng ta có thể thấy một số giới từ vừa có thể xếp vào loại A vừa có thể xếp vào loại C, như: *bằng, cho, để, từ...*; Một số giới từ vừa có thể xếp vào loại B vừa có thể xếp vào loại C, như: *dưới, để, nhờ, qua, tại, theo, từ, trên, trong, vì, về, với...*; Một số vừa có thể xếp vào loại A vừa có thể xếp vào loại C, như: *để, do, theo, từ, vì...* Những giới từ như *để, vì, từ, theo* có thể xếp vào cả 3 loại.

3. Điểm khác nhau về sự phân bố vị trí của giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt

Trong tiếng Hán, loại A (Np + Pp+ Vp) là dạng cơ bản của đoạn ngữ giới từ tiếng Hán, đại bộ phận giới từ tiếng Hán đều có thể xếp vào loại A, điểm này lại chính là điểm trái ngược với vị trí phân bố của giới từ tiếng Việt.

Có một số giới từ tiếng Hán tuy có thể xếp vào loại A, nhưng dạng mô hình B và C vẫn là dạng cơ bản của chúng, ví dụ giới từ “于 (vu), 以 (dĩ)” thông thường có thể xếp vào loại C, biểu thị khởi điểm thời gian, không gian, giới từ “自从 (tự tông), 打从 (đả tông), 自打 (tự đả)” thông thường có thể xếp vào loại B. Ví dụ:

Loại A: 农奴自从来了毛主席翻身得解放。

(Nông nô kể *từ khi* có chủ tịch Mao, đã giành được giải phóng.)

Loại B: 自从来了毛主席, 农奴翻身得解放。 (thường gặp)

(Kể *từ khi* có chủ tịch Mao, nông nô đã giành được giải phóng.)

Cũng có một bộ phận giới từ không thể xếp vào loại B (Pp + Np + Vp) tức là không thể đứng đầu câu. Những giới từ này chủ yếu là giới từ chỉ phương hướng như “向 (hướng), 朝 (triều), 往 (vãng), 对 (đối)”, hoặc các giới từ chỉ đối tượng như “跟 (căn), 和 (hòa), 与 (dữ), 同 (đồng)”, và các giới từ thường dùng trong Hán ngữ cổ đại nhưng vẫn còn xuất hiện trong tiếng Hán hiện đại, như “于 (vu), 以 (dĩ)”.

Trong tiếng Hán, đại bộ phận giới từ không nằm trong loại C (Vp + Pp + Np), chỉ có số ít những giới từ như “到 (đáo), 向 (hướng), 给 (cấp), 往 (vãng), 在 (tại), 至 (chí)” và các giới từ Hán cổ như “于 (vu), 自 (tự)” mới được xếp vào loại này. Trừ giới từ Hán cổ ra, “到, 向, 往, 在, 至” đều là các giới từ biểu thị không gian, địa điểm.

So với tiếng Hán, vị trí phân bố của giới từ tiếng Việt còn có một số đặc điểm riêng. Cụ thể như sau:

Ngoài mô hình A, B, C, tiếng Việt còn có mô hình D (Np + Pp + Np). Những giới từ có thể xếp vào loại D là: bằng, của, với. Ví dụ như: Ghế *bằng* gỗ; Sách *của* tôi; Thành phố *với* một triệu dân...

Loại C (Vp + Pp + Np) là dạng cơ bản của đoạn ngữ giới từ tiếng Việt, hầu như tất cả các giới từ tiếng Việt đều có thể xếp vào loại này, đây là một trong số những đặc điểm của thứ tự từ tiếng Việt, điểm này trái với tiếng Hán. Trong tiếng Việt, giới từ có thể xếp vào loại A (Np + Pp + Vp), hoặc loại D (Pp + Vp) không nhiều, chủ yếu là giới từ chỉ nguyên nhân (vì, tại), giới từ chỉ đối tượng, phạm vi, phương diện như (đối với, với, về, theo, trong, dưới, trên). Có một số giới từ có thể xếp vào loại B cũng có thể xếp vào loại C, nhưng loại C thì thường gặp hơn, chức năng của loại này chủ yếu là biểu thị không gian, thời gian, như: từ, ở. Ví dụ:

Loại B: Tôi từ thành phố Hà Nội sang.

Loại C: Tôi sang từ thành phố Hà Nội.

Loại B: Mẹ ơi, con xin phép ở nhà chị dâu chơi vài ngày.

Loại C: Mẹ ơi, con xin phép chơi vài ngày ở nhà chị dâu.

Từ những ví dụ trên, có thể thấy, sự khác biệt lớn nhất của giới từ tiếng Hán và tiếng Việt là loại A (Np + Pp + Vp) và loại C (Vp + Pp + Np), tức là loại A là mô hình chủ yếu của giới từ tiếng Hán, đoạn ngữ giới từ (giới ngữ, Pp) của tiếng Hán đứng trước động từ (động ngữ, Vp). Loại C là mô hình chủ yếu của giới từ tiếng Việt, đoạn ngữ giới từ (giới ngữ, Pp) của tiếng Việt đứng sau động từ (động ngữ, Vp). Cho dù tiếng Hán cũng một số có giới từ có thể quy vào loại C và tiếng Việt cũng có giới từ có thể quy vào loại A, nhưng số lượng không nhiều.

Tiếng Hán và tiếng Việt đều là ngôn ngữ đơn lập, hư từ và trật tự từ (ngữ) đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện ý nghĩa ngữ pháp. Giới từ và sự phân bố của giới từ phần nào thể hiện sự khác biệt giữa tiếng Hán và tiếng Việt trên bình diện ngữ pháp.

Trong quá trình tiếp xúc Hán Việt, tiếng Việt chịu ảnh hưởng lớn của tiếng Hán, trong đó, bao gồm ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Trong lịch sử, giới từ tiếng Hán cũng đứng sau động từ, cùng với sự phát triển của lịch sử, giới từ tiếng Hán và ngữ tự cũng không ngừng thay đổi.

4. Kết luận

Giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt xuất hiện với tần số cao và thường đảm nhận vai trò làm trạng ngữ trong câu. Sự phân bố vị trí của giới từ trong tiếng Hán và tiếng Việt ngoài những điểm tương đồng ra cũng có một số điểm khác biệt. Điểm khác biệt không chỉ thể hiện ở vị trí trong câu khác nhau, mà còn có những trường hợp trong tiếng Hán có xuất hiện giới từ nhưng tiếng Việt lại không cần có giới từ và ngược lại. Do tiếp xúc Hán Việt, trong tiếng Việt có những

giới từ mượn tiếng Hán, có cách dùng tương đương với giới từ vốn có trong tiếng Hán. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp, giới từ tiếng Hán được biểu thị bằng một hoặc trên một giới từ tương đương trong tiếng Việt. Nói cách khác là giới từ tiếng Hán và giới từ tiếng Việt không có mối tương quan 1 đối 1. Tuy nhiên, do những tương đồng về loại hình học và mối quan hệ gần gũi giữa tiếng Hán và tiếng Việt, giới từ và sự phân bố vị trí của giới từ trong hai ngôn ngữ có nhiều nét tương đồng hơn là những khác biệt. Hơn ai hết, người học tiếng cần phải nắm chắc những tương đồng và khác biệt đó để có thể đạt được độ chuẩn xác trong khi sử dụng giới từ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Diệp Quang Ban. *Ngữ Pháp Tiếng Việt*. Nxb Giáo Dục. 2005.
- [2] Nguyễn Đức Dân. Những giới từ không gian: sự chuyên nghĩa và ẩn dụ. *Tạp Chí Ngôn Ngữ*, Số 9, 2005.
- [3] 陈昌来. 介词与介引功能[M]. 合肥: 安徽教育出版社, 2002.
- [4] 金昌吉. 汉语介词和介词短语[M]. 天津: 南开大学出版社, 1996.
- [5] 傅雨贤, 周小兵. 现代汉语介词研究[M]. 广州: 中山大学出版社, 2002.